ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SẢNG MỘC

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ SẢNG MỘC

DANH BẠ MÃ QRCODE
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Cập nhật ngày 23/10/2026)

MỤC LỤC

STT	TÊN LĨNH VỰC / CƠ QUAN CÔNG BỐ	SỐ TRANG
I	**BỘ CÔNG THƯƠNG (07 TTHC)**	
4	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	
5	An toàn thực phẩm	
6	An toàn vệ sinh lao động	
7	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
8	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	
9	Công nghiệp hỗ trợ	
10	Công nghiệp tiêu dùng	
11	Cụm Công nghiệp	
12	Dầu khí	
13	Địa chất và khoáng sản	
14	Điện	
15	Điện lực	
16	Giám định thương mại	
17	Hóa chất	
18	Hội nhập kinh tế quốc tế	
19	Khoáng sản	
20	Khuyến Công	
21	Kinh doanh khí	
22	Lưu thông hàng hóa trong nước	
23	Nghề thủ công mỹ nghệ	
24	Quản lý bán hàng đa cấp	
25	Sở giao dịch hàng hóa	
26	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	
27	Thương mại biên giới và miền núi	
28	Thương mại điện tử	
29	Thương mại quốc tế	
30	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	
31	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	
32	Xuất nhập khẩu	
33	Xúc tiến thương mại	
II	**BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (11 TTHC)**	
34	Công tác dân tộc	
35	Tín ngưỡng, tôn giáo	
III	**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (40 TTHC)**	
36	Chế độ, chính sách đối với nhà giáo	
37	Cơ sở giáo dục khác	
38	Giáo dục dân tộc	

STT	TÊN LĨNH VỰC / CƠ QUAN CÔNG BỐ	SỐ TRANG
39	Giáo dục mầm non	
40	Giáo dục nghề nghiệp	
41	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	
42	Giáo dục Phổ thông	
43	Giáo dục thường xuyên	
44	Giáo dục trung học	
45	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
46	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	
47	Thi, tuyển sinh	
48	Văn bằng, chứng chỉ	
IV	**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTHC)**	
49	An toàn bức xạ và hạt nhân	
50	Bưu chính	
51	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	
52	Hoạt động khoa học và công nghệ	
53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
54	Sở hữu trí tuệ	
55	Tần số vô tuyến điện	
56	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	
57	Viễn thông và Internet	
V	**BỘ NỘI VỤ (70 TTHC)**	
62	An toàn, vệ sinh lao động	
63	Bảo hiểm xã hội	
64	Công chức, viên chức	
65	Công tác thanh niên và Bình đẳng giới	
66	Lao động	
67	Lao động, tiền lương	
68	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội	
69	Người có công	
70	Quản lý lao động ngoài nước	
71	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
72	Thi đua - khen thưởng	
73	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	
74	Việc làm	
VI	**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (74 TTHC)**	
75	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
76	Biến đổi khí hậu	
77	Biển và hải đảo	
78	Chăn nuôi	
79	Đất đai	

STT	TÊN LĨNH VỰC / CƠ QUAN CÔNG BỐ	SỐ TRANG
80	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
81	Giảm nghèo	
82	Khí tượng, thủy văn	
83	Khoa học và Công nghệ	
84	Kiểm lâm	
85	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
86	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
87	Môi trường	
88	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
89	Quản lý doanh nghiệp	
90	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	
91	Tài nguyên nước	
92	Thú y	
93	Thủy lợi	
94	Thủy sản	
95	Tổng hợp	
96	Trồng trọt	
97	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
VII	**BỘ QUỐC PHÒNG (01 TTHC)**	
98	Quản lý vùng trời	
99	Ứng phó sự cố tràn dầu BQP	
VIII	**BỘ TÀI CHÍNH (33 TTHC)**	
100	Bảo hiểm	
101	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp	
102	Chứng khoán	
103	Đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội	
104	Đấu thầu	
105	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
106	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	
107	Đầu tư tại Việt nam	
108	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	
109	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	
110	Giáo dục nghề nghiệp, Ngân sách nhà nước	
111	Hỗ trợ doanh nghiệp	
112	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	
113	Hỗ trợ đầu tư	
114	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

STT	TÊN LĨNH VỰC / CƠ QUAN CÔNG BỐ	SỐ TRANG
115	Khoa học công nghệ	
116	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	
117	Quản lý công sản	
118	Quản lý giá	
119	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế	
120	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	
121	Tài chính doanh nghiệp	
122	Tài chính đất đai	
123	Tài chính ngân hàng	
124	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
125	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	
126	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
127	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
128	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	
IX	**BỘ TƯ PHÁP (64 TTHC)**	
129	Bồi thường nhà nước	
130	Chứng thực	
131	Công chứng	
132	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
133	Đấu giá tài sản	
134	Giám định tư pháp	
135	Hòa giải ở cơ sở	
136	Hòa giải thương mại	
137	Hộ tịch	
138	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	
139	Luật sư	
140	Nuôi con nuôi	
141	Quản tài viên	
142	Quốc tịch	
143	Thi hành án dân sự	
144	Thủ tục hành chính liên thông	
145	Thừa hành viên	
146	Tiếp cận thông tin	
147	Trọng tài thương mại	
148	Trợ giúp pháp lý	
149	Tư vấn pháp luật	
X	**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (13 TTHC)**	
150	Bản quyền tác giả	

STT	TÊN LĨNH VỰC / CƠ QUAN CÔNG BỐ	SỐ TRANG
151	Báo chí	
152	Di sản văn hóa	
153	Du lịch	
154	Điện ảnh	
155	Gia đình	
156	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	
157	Hợp tác quốc tế	
158	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	
159	Nghệ thuật biểu diễn	
160	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
161	Quảng cáo	
162	Thể dục thể thao	
163	Thi đua – Khen thưởng	
164	Thông tin đối ngoại	
165	Văn hóa	
166	Văn học	
167	Xuất Bản, In và Phát hành	
XI	**BỘ XÂY DỰNG (47 TTHC)**	
168	Đăng kiểm	
169	Đường bộ	
170	Đường sắt	
171	Hàng hải và đường thủy nội địa	
172	Hoạt động xây dựng	
173	Kinh doanh bất động sản	
174	Nhà ở và công sở	
175	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
176	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
177	Vật liệu xây dựng	
178	Đường bộ	
179	Đường sắt	
180	Hạ tầng kỹ thuật	
181	Hàng hải và đường thủy nội địa	
182	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	
183	Nhà ở và công sở	
184	Phát triển đô thị	
185	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
186	Vật liệu xây dựng	
XII	**BỘ Y TẾ (18 TTHC)**	
187	An toàn thực phẩm	
188	Bảo hiểm y tế	

STT	TÊN LĨNH VỰC / CƠ QUAN CÔNG BỐ	SỐ TRANG
189	Bảo trợ xã hội	
190	Dược phẩm	
191	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	
192	Giám định	
193	Khám bệnh, chữa bệnh	
194	Mỹ phẩm	
195	Phòng bệnh	
196	Phòng, chống tệ nạn xã hội	
197	Thi đua, khen thưởng	
198	Thiết bị y tế	
199	Trẻ em	
200	Y Dược cổ truyền	
XIII	**UBND TỈNH THÁI NGUYÊN (18 TTHC)**	
201	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	
202	Đất đai	
203	Đường bộ	

** Hướng dẫn: Để số trang hiển thị chính xác -> Vui lòng chờ file tải hết các trang rồi bấm (Ctrl + A) để bôi đen toàn bộ -> Sau đó ấn phím F9 (hoặc Chuột phải chọn Update Field). Sau khi kiểm tra số trang chính xác, có thể xoá dòng chữ này đi*

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
1. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THUỶ ĐIỆN				
1	**2.000206**	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	
2. LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG				
2	**2.002620**	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
3. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN				
3	**1.116679**	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Địa chất và khoáng sản	
4	**1.116678**	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Địa chất và khoáng sản	
4. LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC				
5	**1.115377**	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	Điện lực	
5. LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ				
6	**1.012569**	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
7	**1.012568**	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
6. LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC				
8	**1.012222**	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc	
9	**1.012223**	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc	
7. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO				
10	**1.013797**	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo	
11	**1.013798**	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo	
12	**1.013796**	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo	
13	**1.012590**	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
14	**1.012584**	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo	
15	**1.012591**	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo	
16	**1.012585**	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo	
17	**1.012582**	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo	
18	**1.012592**	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
8. LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC				
19	**1.116846**	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở	Cơ sở giáo dục khác	
20	**1.116823**	Sáp nhập, chia, tách lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	Cơ sở giáo dục khác	
21	**1.116822**	Giải thể lớp độc lập tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập lớp)	Cơ sở giáo dục khác	
22	**1.116821**	Sáp nhập, chia, tách lớp độc lập tư thục	Cơ sở giáo dục khác	
23	**1.116820**	Cho phép thành lập lớp độc lập tư thục	Cơ sở giáo dục khác	
24	**1.116819**	Giải thể lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Cơ sở giáo dục khác	
25	**1.116818**	Cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	Cơ sở giáo dục khác	
9. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
26	**1.116841**	Giải thể nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm lớp)	Giáo dục mầm non	
27	**1.116840**	Sáp nhập, chia, tách nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	Giáo dục mầm non	
28	**1.116839**	Cho phép thành lập nhóm, lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	Giáo dục mầm non	
29	**1.116838**	Giải thể trường mầm non (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non	
30	**1.116837**	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non	Giáo dục mầm non	
31	**1.116836**	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non	Giáo dục mầm non	
32	**1.116835**	Cho phép thành lập trường mầm non	Giáo dục mầm non	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
33	**1.014996**	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục mầm non	
10. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (G07-LĐ06)				
34	**2.002284**	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	
35	**2.001960**	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	
11. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG				
36	**1.116845**	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục Phổ thông	
37	**1.116844**	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục Phổ thông	
38	**1.116843**	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục Phổ thông	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
39	**1.116842**	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục Phổ thông	
12. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN				
40	**1.116849**	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	
41	**1.116848**	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng tư thục	Giáo dục thường xuyên	
42	**1.116847**	Cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục	Giáo dục thường xuyên	
13. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC				
43	**3.000182**	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	
14. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
44	**1.116817**	Thay đổi địa điểm hoạt động giáo dục của trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
45	**1.116816**	Đổi tên trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
46	**1.014997**	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
47	**2.002770**	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
48	**2.002771**	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
49	**1.014337**	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
50	**1.014335**	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
51	**1.014336**	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
52	**1.008951**	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
53	**1.008725**	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
54	**1.008950**	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
55	**1.003702**	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
56	**1.001622**	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
57	**1.001714**	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
15. LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH				
58	**1.005090**	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
16. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
59	**1.014451**	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	Hoạt động khoa học và công nghệ	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
17. LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI				
60	**2.002303**	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	Bảo hiểm xã hội	
18. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC				
61	**1.014111**	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức	
62	**1.014113**	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức	
19. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI				
20. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG				
63	**1.014352**	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Lao động	
64	**1.014319**	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN	Lao động	
65	**1.014318**	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ DỰ ÁN	Lao động	
21. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
66	**2.001955**	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương	
22. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
67	**1.010774**	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Người có công	
68	**2.002308**	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	
69	**2.002307**	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	
70	**2.001157**	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	
71	**2.001396**	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	
72	**1.014359**	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
73	**1.013749**	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công	
74	**1.013750**	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công	
75	**1.013744**	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	Người có công	
76	**1.010833**	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	
77	**1.010829**	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	
78	**1.010830**	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
79	**1.010824**	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	
80	**1.010825**	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công	
81	**1.010821**	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	
82	**1.010819**	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	
83	**1.010820**	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công	
84	**1.010817**	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	
85	**1.010818**	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
86	**1.010815**	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công	
87	**1.010816**	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	
88	**1.010810**	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công	
89	**1.010811**	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	
90	**1.010814**	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	
91	**1.010812**	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công	
92	**1.010804**	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
93	**1.010805**	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	
94	**1.010802**	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	
95	**1.010803**	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công	
96	**1.010801**	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	
97	**1.010783**	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Người có công	
98	**1.010781**	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công	
99	**1.010777**	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
100	**1.010788**	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công	
101	**1.010778**	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công	
102	**1.010775**	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Người có công	
103	**1.010772**	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công	
104	**1.004964**	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	
105	**1.001257**	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công	
23. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
106	**2.002820**	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	
107	**1.013734**	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước	
24. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ				
108	**1.014947**	THỦ TỤC QUỸ TỰ GIẢI THỂ (Cấp xã)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
109	**1.014946**	THỦ TỤC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH QUỸ (Cấp xã)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
110	**1.014943**	THỦ TỤC CÔNG NHẬN QUỸ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ; CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ KHI THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HOẶC HẾT NHIỆM KỲ (Cấp xã)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
111	**1.014944**	THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ; ĐỔI TÊN QUỸ (Cấp xã)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
112	**1.014945**	THỦ TỤC CHO PHÉP QUỸ HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG (Cấp xã)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
113	**1.014942**	THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ (Cấp xã)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
114	**1.013710**	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
115	**1.013703**	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
116	**1.013706**	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
117	**1.013708**	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
118	**1.013704**	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
119	**1.013707**	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
120	**1.013702**	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
121	**1.013709**	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	
25. LĨNH VỰC VIỆC LÀM				
122	**1.116316**	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2026/TT-BNV	Việc làm	
123	**2.002821**	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	Việc làm	
124	**1.014201**	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	
125	**1.014198**	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	
126	**1.014200**	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
127	**1.014199**	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	
128	**1.014197**	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	
129	**1.014196**	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
77. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO				
130	**3.000443**	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
131	**3.000442**	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
132	**3.000441**	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
133	**3.000439**	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	
26. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI				
134	**1.012836**	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
135	**1.012837**	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	
27. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				
136	**1.014284**	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Đất đai	
137	**1.014275**	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Đất đai	
138	**1.013949**	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	
139	**1.013978**	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
140	**1.013950**	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	
141	**1.013953**	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	Đất đai	
142	**1.013962**	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
143	**1.013979**	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	
144	**1.013952**	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai	
145	**1.013967**	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	
146	**1.013965**	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai	
147	**1.013827**	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa.	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
148	**1.013823**	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	
149	**1.012817**	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	
150	**1.012818**	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	
151	**1.012812**	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	
152	**1.012796**	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	
153	**1.012766**	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
154	**1.012753**	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	
28. LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO				
155	**1.116215**	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Giảm nghèo	
156	**1.116214**	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Giảm nghèo	
157	**3.000412**	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	
158	**1.011607**	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	
159	**1.011608**	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	
160	**1.011609**	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
161	**1.011606**	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo	
29. LĨNH VỰC KIỂM LÂM				
162	**1.012694**	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm	
30. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
163	**3.000611**	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
164	**1.003434**	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
31. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM				
165	**3.000502**	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
166	**3.000250**	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
167	**1.014832**	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
168	**1.012922**	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
169	**1.012531**	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
170	**1.011471**	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
171	**1.007919**	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
32. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
172	**1.010736**	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường	
33. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
173	**2.001827**	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
34. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI				
174	**1.010092**	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	
175	**1.010091**	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	
35. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC				
176	**1.011518**	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước	
177	**1.001662**	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	
36. LĨNH VỰC THÚ Y				
178	**1.013997**	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	
37. LĨNH VỰC THỦY LỢI				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
179	**2.001627**	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Thủy lợi	
180	**2.001621**	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	
181	**1.014862**	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
182	**1.014864**	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
183	**1.014863**	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
184	**1.014860**	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
185	**1.014859**	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
186	**1.014851**	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
187	**1.014853**	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
188	**1.014850**	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
189	**1.014852**	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
190	**1.014849**	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
191	**1.014848**	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
192	**1.003471**	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
193	**1.003446**	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	
194	**1.003440**	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	
195	**1.003347**	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	
38. LĨNH VỰC THỦY SẢN				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
196	**1.014801**	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Thủy sản	
197	**1.004680**	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	
198	**1.004656**	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản	
199	**1.004498**	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	
200	**1.004478**	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản	
201	**1.003956**	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	
39. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT				
202	**1.008004**	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
40. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT				
203	**1.014776**	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
41. LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU BQP				
204	**1.013128**	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3)	Ứng phó sự cố tràn dầu BQP	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
42. LĨNH VỰC HỖ TRỢ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ				
205	**2.002668**	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
43. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				
206	**1.014737**	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	
207	**1.014736**	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	
44. LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
208	**1.013040**	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	
45. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI				
209	**1.115148**	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	Tài chính đất đai	
46. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC KHÔNG ĐĂNG KÝ				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
210	**2.002226**	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác không đăng ký	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	
211	**2.002228**	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	
47. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ				
212	**2.002648**	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
213	**2.002641**	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
214	**2.002649**	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
215	**2.002642**	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
216	**2.002638**	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
217	**2.002635**	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
218	**2.002643**	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
219	**2.002639**	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
220	**2.002636**	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
221	**2.002637**	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
222	**2.002123**	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
223	**2.001958**	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
224	**1.005378**	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
225	**1.005280**	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
226	**1.004901**	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
227	**1.004979**	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
228	**1.005010**	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
229	**1.004982**	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
230	**1.005277**	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
48. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH)				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
231	**2.000575**	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
232	**2.000720**	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
233	**1.014035**	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
234	**1.014034**	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
235	**1.001612**	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
236	**1.001570**	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
237	**1.001266**	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
49. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC				
238	**2.002165**	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	
50. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
239	**2.001406**	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	
240	**2.001035**	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	
241	**2.001019**	Chứng thực di chúc	Chứng thực	
242	**2.001016**	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	
243	**2.000942**	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	
244	**2.001008**	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
245	**2.000992**	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	
246	**2.000908**	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	
247	**2.000913**	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Chứng thực	
248	**2.000927**	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Chứng thực	
249	**2.000884**	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	
250	**2.000815**	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	
51. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM				
251	**1.011441**	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
52. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ				
252	**2.002080**	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	
253	**2.000950**	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	
254	**2.000930**	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	
255	**2.000424**	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Hòa giải ở cơ sở	
256	**1.002211**	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	
53. LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
257	**3.000323**	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	
258	**3.000322**	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
259	**2.002516**	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	
260	**2.002189**	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	
261	**2.000806**	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
262	**2.000756**	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
263	**2.000748**	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
264	**2.000779**	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
265	**2.000635**	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
266	**2.000522**	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
267	**2.000554**	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	
268	**2.000513**	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
269	**2.000528**	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
270	**2.000547**	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	
271	**2.000497**	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
272	**1.005461**	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
273	**1.004873**	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	
274	**1.004884**	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	
275	**1.004845**	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	
276	**1.004859**	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	
277	**1.004837**	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	
278	**1.004772**	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	
279	**1.004746**	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
280	**1.004827**	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
281	**1.003583**	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	
282	**1.001766**	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
283	**1.001695**	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
284	**1.001669**	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	
285	**1.001193**	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	
286	**1.000893**	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
287	**1.000689**	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	
288	**1.000894**	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	
289	**1.000656**	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	
290	**1.001022**	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	
291	**1.000593**	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	
292	**1.000080**	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
293	**1.000419**	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
294	**1.000110**	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
295	**1.000094**	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	
54. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
296	**2.002363**	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	
297	**2.002349**	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi	
298	**2.001263**	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	
299	**2.001255**	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	
55. LĨNH VỰC TIẾP CẬN THÔNG TIN				
300	**1.116557**	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	Tiếp cận thông tin	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
301	**1.116556**	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Tiếp cận thông tin	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
56. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA				
302	**1.014310**	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	
303	**1.014312**	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	
57. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH				
304	**1.012085**	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	
305	**1.012084**	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình	
58. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ				
306	**1.013792**	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
307	**1.013794**	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
308	**1.013793**	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
59. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO				
309	**2.000794**	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	
60. LĨNH VỰC VĂN HÓA				
310	**1.013791**	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa	
311	**1.003622**	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa	
61. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH				
312	**3.000576**	Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành	
313	**3.000570**	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Xuất Bản, In và Phát hành	
314	**3.000569**	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Xuất Bản, In và Phát hành	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
62. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
315	**2.001921**	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	
316	**1.013274**	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	
317	**1.000314**	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	
63. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
318	**1.115950**	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	Hàng hải và đường thủy nội địa	
319	**1.115949**	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	
320	**1.009465**	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
321	**1.009452**	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
322	**1.009453**	Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	Hàng hải và đường thủy nội địa	
64. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
323	**1.116338**	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	
324	**1.013239**	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	
325	**1.013229**	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	
326	**1.013226**	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
327	**1.013227**	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
328	**1.013232**	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
329	**1.013228**	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	
330	**1.013225**	Cấp giấy phép xây dựng mới, có thời hạn đối với công trình cấp III, cấp IV và công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	
65. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ				

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
331	**1.014632**	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ở và công sở	
332	**1.012897**	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở và công sở	
333	**1.012898**	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở và công sở	
334	**1.012892**	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở và công sở	
335	**1.012893**	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	
66. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG				
336	**1.009791**	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
67. LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN				
337	**1.014155**	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
338	**1.014157**	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	
339	**1.014159**	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
68. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
340	**1.013061**	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	
69. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
341	**1.002693**	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	
70. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
342	**2.001659**	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
343	**2.001711**	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	
344	**2.001214**	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	
345	**2.001215**	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa	
346	**2.001211**	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
347	**2.001218**	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	
348	**2.001212**	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	
349	**2.001217**	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	
350	**1.006391**	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	
351	**1.005040**	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa	
352	**1.004088**	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
353	**1.004036**	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
354	**1.004047**	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	
355	**1.004002**	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
356	**1.003970**	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
357	**1.003930**	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	
358	**1.002372**	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa	
71. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ				
359	**1.012888**	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở	
72. LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN				
360	**1.014156**	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
361	**1.014158**	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
73. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM				
362	**1.013855**	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	
74. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
363	**1.116910**	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	
364	**1.116909**	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng	Bảo trợ xã hội	
365	**1.116908**	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	
366	**1.116907**	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	
367	**1.014028**	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	
368	**1.014027**	Thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
369	**1.001699**	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	
370	**1.001653**	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	
75. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI				
371	**2.001661**	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	
76. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG				
372	**1.012422**	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	Thi đua, khen thưởng	
77. LĨNH VỰC TRẺ EM				
373	**1.115116**	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	Trẻ em	
374	**2.001947**	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	
375	**2.001942**	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
376	**2.001944**	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	
377	**1.004946**	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	
378	**1.004941**	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	
379	**1.004944**	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
78. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				
380	**1.116112**	Thái Nguyên - Xác định diện tích đất ở đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Đất đai	
381	**1.116111**	Thái Nguyên - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	
382	**1.116110**	Thái Nguyên (cấp xã) - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)	Đất đai	
383	**1.116109**	Thái Nguyên - Trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai	
384	**1.116108**	Thái Nguyên - Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	Đất đai	
385	**1.116107**	Thái Nguyên - Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	
386	**1.116106**	Thái Nguyên (cấp xã)- Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
387	**1.116105**	Thái Nguyên - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	
388	**1.116104**	Thái Nguyên - Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP)	Đất đai	
389	**1.116103**	Thái Nguyên - Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
390	**1.116102**	Thái Nguyên (cấp xã) - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	Đất đai	
391	**1.116101**	Thái Nguyên - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	
392	**1.116100**	Thái Nguyên (cấp xã) - Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	
393	**1.116099**	Thái Nguyên (cấp xã) - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	Đất đai	
394	**1.116098**	Thái Nguyên - Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	
395	**1.116097**	Thái Nguyên (cấp xã) - Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
396	**1.116096**	Thái Nguyên (cấp xã) - Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót	Đất đai	
397	**1.116095**	Thái Nguyên - Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	